

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 3 – 2021
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình
Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương
2. Ông Trần Văn Bé Hai

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 620/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim C, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện A, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Lê Hồng P, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp 3, xã C, huyện A, tỉnh Đồng Tháp.

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Trần Thị Kim C là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị C và anh P chung sống với nhau từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 08/5/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau, vợ chồng P sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi do bất đồng với nhau về quan điểm sống. Hiện chị C và anh P không còn sống chung với nhau hơn nửa

năm. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hồng P.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Tiến Đạt, sinh ngày 07/9/2012. Hiện con chung đang sống cùng chị C. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được nuôi con chung.

- Cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là anh Lê Hồng P đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của chị C nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Trần Thị Kim C (Photo);
- 01 Sổ hộ khẩu (pho to)
- Giấy khai sinh tên (Photo chứng thực);
- 01 Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);
- 01 đơn xác nhận nơi cư trú

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị Kim C có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hồng P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Anh Lê Hồng P là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện Cao lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Hồng P là bị đơn trong vụ kiện nhưng anh P vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của chị C. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Lê Hồng P là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh P sống chung với nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 08/5/2012, do đó hôn nhân giữa chị C và anh P là hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị C và anh P sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi bất đồng quan điểm sống dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Chị C và anh P không còn chung sống với nhau cũng như không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Lê Hồng P tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh P vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến hay biện pháp nào để hàn gắn tình cảm đối với yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Kim C. Xét thấy hôn nhân giữa chị C và anh P lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị C và anh P là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị C.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Tiến Đạt, sinh ngày 07/9/2012. Hiện con chung đang sống cùng chị C. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Do anh P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày. Do đó, để bảo đảm sự P triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu Tiến Đạt, cần tiếp tục giao cháu Tiến Đạt cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Chị C không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị C trình bày vợ chồng không có tài sản chung, anh P không có ý kiến về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị C trình bày vợ chồng không có nợ chung, anh P không có ý kiến về nợ, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí: Chị Trần Thị Kim C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 144 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố

tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim C.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim C được ly hôn với anh Lê Hồng P.

Về con chung: Chị C được nuôi dưỡng con chung tên Lê Tiến Đạt, sinh ngày 07/9/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không có yêu cầu.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về án phí: Chị Trần Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011948 ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy chị C đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Thị Ngọc Minh